

Số: 2950/GPMT-UBND

Hải Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày ngày 10 tháng 01 năm
2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một
số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH công
nghiệp giấy Hongpu ngày 13 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1017/TTr-STNMT ngày 12 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH công nghiệp giấy Hongpu, địa chỉ tại Lô CN 2.1, Khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất bìa carton, thùng carton và các vật liệu đóng gói khác” tại Lô CN 2.1, Khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: “Nhà máy sản xuất bìa carton, thùng carton và các vật liệu đóng gói khác”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN 2.1, Khu công nghiệp An Phát 1, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0801396603 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 05 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 0801396603.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bìa carton, thùng carton và các vật liệu đóng gói khác từ giấy và bìa.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3, Điều 9 của Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II, quy định tại mục số I.2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích: 20.700 m².

- Công suất thiết kế: 21.000 tấn sản phẩm/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghiệp giấy Hongpu:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH công nghiệp giấy Hongpu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH công nghiệp giấy Hongpu;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND Nam Sách;
- Trung tâm CNTT- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2950/GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom, xử lý sơ bộ sau đó được dẫn vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1, không xả ra môi trường).

- Đã ký Hợp đồng thuê lại đất tại khu công nghiệp An Phát 1, trong đó Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và vận hành hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp An Phát 1 sẽ chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ quá trình vệ sinh dụng cụ trộn keo, thùng đựng keo được thu gom bằng đường ống uPVC D110, độ dốc $i=0,3\%$, chiều dài $L=65m$, sau đó chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của nhà máy dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $12m^3/ngày$ đêm để xử lý.

- Nước dập bụi được lắng cặn ở bể lắng và nước xả cặn lò hơi được lắng cặn ở hố ga, sau đó được dẫn bằng đường ống uPVC D110, độ dốc $i=0,3\%$, chiều dài $L=75m$ vào hệ thống thu gom nước thải chung của nhà máy và chảy hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $12m^3/ngày$ đêm.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ tại bể phốt, sau đó qua ống nối uPVC D150, độ dốc $i=0,3\%$, chiều dài $L=0,5m$ chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung của nhà máy uPVC DN300, độ dốc $i=0,5\%$, tổng chiều dài $L=403m$ và chảy hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $12m^3/ngày$ đêm.

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $12m^3/ngày$ đêm đạt giá trị theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 07 Bể tự hoại 03 ngăn, thể tích $4 m^3/bể$.

- Hồ ga lắng cặn nước xả cặn lò hơi, kích thước $D \times R \times C = 0,8m \times 0,8m \times 1m$
- Bồn lắng cặn nước đập bụi lò hơi, thể tích $1,2 m^3$.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $12m^3/\text{ngày đêm}$:

+ Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước xả cặn, nước đập bụi lò hơi sau khi lắng cặn; nước thải trộn keo \rightarrow Bể gom - điều hòa \rightarrow Bể thiếu khí \rightarrow Bể hiếu khí MBBR \rightarrow Bể lắng \rightarrow Bể lọc vật liệu nổi \rightarrow Hồ ga nước thải đầu ra (Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp An Phát 1 - mức B QCVN 40:2011/BTNMT) \rightarrow Hệ thống thu gom nước thải của KCN An Phát 1.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống: Bể điều hòa: $9m^3$; bể thiếu khí: $2,25m^3$; bể hiếu khí 1: $2,25m^3$; bể hiếu khí 2: $2,25m^3$; bể lắng: $1,125m^3$; bể lọc: $1,125m^3$; bể chứa bùn: $1,275m^3$.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl: $3g/m^3$; ri mật: $20g/m^3$.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật. Bố trí cán bộ chuyên ngành môi trường giám sát các công trình bảo vệ môi trường.

- Lập hồ sơ nhật ký vận hành để theo dõi diễn biến quá trình vận hành của hệ thống xử lý nước thải, dự báo kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị hỏng.

- Trang bị thiết bị dự phòng đối với các thiết bị máy móc có nguy cơ hỏng cao như máy bơm, bao, van, thiết bị sục khí... để kịp thời thay thế khi cần thiết.

- Định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn đầu nổi sẽ tiến hành kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống bể xử lý. Trường hợp không kịp thời khắc phục, Công ty sẽ thông báo tình trạng cho Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 hoặc ký hợp đồng chuyên giao nước thải với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Sau khi được cấp giấy phép môi trường, lắp đặt hoàn thiện máy móc thiết bị và công suất sản xuất đạt 40% trở lên.

Thời gian tối đa trong vòng 6 tháng sau khi hoàn thành hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế $12m^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn);

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm Theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty cổ phần khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1 (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp An Phát 1 và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Phát 1. Không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của nhà máy.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Khu công nghiệp An Phát 1.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2950/GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải sau 01 hệ thống xử lý khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải: Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ toạ độ VN2.000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

Ổng thoát khí của hệ thống xử lý khí thải: X(m) = 2325115; Y(m) = 587918.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải tối đa: 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn theo chế độ làm việc của dây chuyền sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất vô cơ, mức B (với $K_p=1$; $K_v=1,0$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	CO	mg/Nm ³	1000		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	NO _x	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh từ lò hơi được dẫn về hệ thống lọc bụi bằng cyclone, sau khi được loại bỏ phần lớn bụi sẽ tiếp tục được đưa qua tháp khử bụi ướt bằng quạt hút để loại bỏ bụi và các khí ô nhiễm còn lại.

- Khí sạch sau khi xử lý được thoát ra ngoài bằng ống thoát khí cao 15m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Đường ống dẫn khí → Cyclone đập bụi → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ.

- Thông số kỹ thuật:

+ Ống dẫn khí: Đường kính: Φ 500mm.

+ Cyclone thu bụi: Đường kính: Φ1.300mm; chiều cao cyclon: 3.411mm.

+ Quạt hút: Công suất: 15kW; lưu lượng: 15.000m³/h.

+ Tháp hấp thụ: Kích thước: B×H=1.300×1.000 (mm); bể đập bụi bằng nước: V=2,5m³; giàn phân phối nước.

+ Ống khói: Vật liệu: inox 304; đường kính: D500; chiều cao: 15m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị trong hệ thống.

+ Định kỳ kiểm tra chất lượng khí thải sau xử lý.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế sử dụng ngay khi có sự cố hỏng.

+ Tập huấn kỹ thuật và an toàn trong vận hành lò hơi cho nhân viên.

+ Trước khi vận hành, tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống lò

+ Bảo quản lò hơi khi dừng lò trong thời gian dài.

- Biện pháp ứng phó: Khi xảy ra sự cố, nhân viên vận hành sẽ lập tức tạm ngừng hoạt động của lò, ngắt các thiết bị điện và báo cáo lên lãnh đạo tìm ra nguyên nhân gây sự cố để sửa chữa, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Sau khi được cấp giấy phép môi trường, lắp đặt hoàn thiện máy móc thiết bị và công suất sản xuất đạt 40% trở lên.

Thời gian tối đa trong vòng 06 tháng sau khi hoàn thành hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống thu gom, xử lý khí thải lò hơi công suất 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu khí thải tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải của dự án.

2.2.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*
Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

01 ngày/lần (lấy 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm cho công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 10 ngày, Chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của nhà máy.

3.3. Công ty TNHH công nghiệp giấy Hongpu chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục III

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2950/GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 02: Dây chuyền sản xuất bìa carton.
- Nguồn số 03: Dây chuyền sản xuất thùng carton.
- Nguồn số 04: Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3° .

- Nguồn số 01: Tọa độ: X(m) = 2325115; Y(m) = 587918.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X(m) = 2325095; Y(m) = 587895.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X(m) = 2324967; Y(m) = 587941.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X(m) = 2324997; Y(m) = 587815.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2950/GPMT-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13	Kg/năm	5
2	Hộp mực in thải, bao bì đựng mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Kg/năm	600
3	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Kg/năm	20
4	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải lẫn mực in có các thành phần nguy hại, nước thải rửa khay in và trục in)	Lỏng	19 10 01	Kg/năm	60.000
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Kg/năm	25
Tổng				Kg/năm	60.650

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Đơn vị tính	Số lượng
1	Xi lò, cặn lắng bụi lò hơi	Rắn	04 02 06	Kg/năm	433.730
2	Bùn thải từ các bể tự hoại và HTXLNT	Rắn	12 06 13	Kg/năm	2.670
3	Bavia bìa, giấy lè, lõi cuộn giấy	Rắn	18 01 05	Kg/năm	120.000
Tổng					556.400

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 42,63 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Nước thải mực in chứa trong thùng phi 200 lít.
- Các loại chất thải nguy hại khác chứa trong thùng dung tích 50 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 10 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí trong nhà xưởng C, ngăn cách với khu vực xung quanh bằng vách ngăn chống cháy.

Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích 50 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Diện tích 10m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Bố trí khu chứa chất thải rắn thông thường trong nhà xưởng C, có vách ngăn chống cháy, đảm bảo điều kiện lưu chứa không bị mưa nắng thâm nhập.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích 10 lít đặt tại khu vực sân đường nội bộ, văn phòng, nhà xưởng và thùng chứa dung tích 120 lít để tập kết chất thải.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2950/GPMT-UBND
ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.